

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 12 - 2017.
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Hoàng Thám;
2. Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam, thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Kiều O, sinh năm: 1971 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã K, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: ông Trương Hữu T, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã K, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Kiều O trình bày:

Năm 1993, bà và ông Trương Hữu T tự nguyện chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ, chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây luôn bất đồng ý kiến trong việc làm ăn và trong sinh hoạt hàng ngày dẫn tới vợ chồng hay cự cãi, xích mích. Mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được. Từ những lý do trên bà thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không còn mang lại hạnh phúc nên bà yêu cầu xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trương Thị Thùy L, sinh năm 1994 (đã có gia đình riêng) và Trương Duy C, sinh năm 1998, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án phân chia.

Về nợ chung: Không yêu cầu.

- **Tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Hữu T trình bày:** Về thời gian chung sống, tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn giữa vợ chồng đúng như lời bà O trình bày. Đối với yêu cầu ly hôn của bà O ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung như bà O trình bày. Con chung đã trưởng thành ông không yêu cầu.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà O yêu cầu được ly hôn với ông T cư trú ở ông Trương Hữu T là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung: Bà O và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của bà O không được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bà O yêu cầu được ly hôn với ông T. Tại phiên Tòa, ông T cũng đồng ý ly hôn. Do bà O và ông T không đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà O với ông T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà O và ông T có 02 người con chung tên Trương Thị Thùy L, sinh năm 1994 (đã có gia đình riêng) và Trương Duy C, sinh năm 1998, ông T và bà O xác định hiện các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà O và ông T xác định không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận bà Nguyễn Kiều O và ông Trương Hữu T là vợ chồng.
2. Về con chung: tên Trương Thị Thùy L, sinh năm 1994 (đã có gia đình riêng) và Trương Duy C, sinh năm 1998, đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.
4. Án phí dân sự sơ thẩm bà O phải chịu 300.000 đồng, bà O đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0011704 ngày 24 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí khi án có hiệu lực pháp luật.
5. Bà O, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Việt Hằng